

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BÌM SƠN

Năm báo cáo: 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BÌM SƠN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800232620
- Vốn điều lệ: 956.613.970.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 956.613.970.000 đồng
- Địa chỉ: Phường Ba Đình - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại: (037) 3.824.242
- Số fax: (037) 3.824.046
- Website: <http://ximangbimson.com.vn>
- Mã cổ phiếu: BCC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Từ năm 1968 đến năm 1974 công trình xi măng Bim Sơn bắt đầu khảo sát, thăm dò địa chất và chính thức khởi công. Sau quá trình xây dựng nhà máy từ năm 1975 đến năm 1980 Chính phủ đã ra Quyết định số 334/BXD-TCCB ngày 04/03/1980 thành lập Nhà máy xi măng Bim Sơn.

Nhà máy xi măng Bim Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn sản phẩm/năm với trang thiết bị kỹ thuật công nghệ hiện đại của Liên Xô (cũ). Được trang bị hai dây chuyền với công nghệ theo phương pháp ướt, mỗi dây chuyền có công suất 0,6 triệu tấn/năm.

Ngày 22/12/1981, sau 2 năm thi công, dây chuyền số 1 của nhà máy chính thức đi vào hoạt động, và những bao xi măng đầu tiên mác P400 nhãn hiệu “Con voi” đã chính thức xuất xưởng.

Ngày 6/11/1983, dây chuyền số 2 được hoàn thành và bắt đầu đi vào hoạt động. Từ năm 1982 đến 1985, các đơn vị tiếp tục xây lắp và hoàn chỉnh nhà máy.

Ngày 12/8/1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 366/BXD-TCLĐ hợp nhất Công ty kinh doanh Vật tư số 4 và Nhà máy xi măng Bim Sơn, đổi tên thành Công ty xi măng Bim Sơn, là công ty nhà nước trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Tháng 3/1994, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Dự án đầu tư cải tạo hiện đại hoá dây chuyền số 2 Nhà máy xi măng Bim Sơn, chuyển đổi công nghệ ướt sang công nghệ khô hiện đại. Dự án được khởi công ngày 13/01/2001 do hãng IHI Nhật Bản trúng thầu nâng công suất lò nung số 2 từ 1.750 tấn Clinker/ngày lên 3.500 tấn Clinker/ngày.

Ngày 23/03/2006 Bộ Xây dựng ra Quyết định số 486/QĐ-BXD chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty xi măng Bim Sơn thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam thành Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn.

Ngày 01/05/2006, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 900 tỷ đồng; trong đó: vốn nhà nước chiếm 89,58% tương đương 806,223 tỷ đồng.

Ngày 20/09/2006, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn bán đấu giá lần 2, tỷ lệ phần vốn nhà nước nắm giữ còn 74,04%, các cổ đông khác 25,96%.

Ngày 24/11/2006 Công ty đã chính thức được cấp giấy Niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm GDCK Hà Nội do UBCKNN cấp.

Ngày 01/03/2007, Công ty chuyển đổi mô hình tiêu thụ từ hình thức Đại lý hưởng hoa hồng sang hình thức Đại lý bao tiêu (Nhà phân phối chính); đồng thời chuyển chức năng nhiệm vụ của các Chi nhánh tại các tỉnh trước đây thành Văn phòng đại diện tại các tỉnh.

Ngày 07/11/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, số lượng cổ phiếu chào bán là: 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

Ngày phát hành (ngày chào bán cổ phiếu): ngày 7/12/2007;

Ngày kết thúc chào bán: ngày 31/12/2007;

Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 7/12/2007 đến hết ngày 31/12/2007;

Kết quả chào bán cổ phiếu như sau:

- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu đã lưu ký : 4.445.897 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: 6.795 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty: 1.215.500 cổ phiếu;
- Bán đấu giá: bằng không (vì lý do số lượng nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá không đủ số lượng theo quy định nên cuộc đấu giá bị hủy);

Ngày 31/12/2007, kết quả tiền thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty là: 113.227.940.000 đồng (theo giá bán ưu đãi là 20.000 đồng/cổ phiếu) tương đương với số cổ phiếu tăng lên là 5.661.397 cổ phiếu;

Sau khi báo cáo kết quả phát hành chào bán cổ phiếu, vốn điều lệ Công ty tăng từ 900 tỷ đồng lên 956,6 tỷ đồng;

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán:

Danh mục	Đơn vị tính: 1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam)	699.720.620	73,146
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	256.893.350	26,854

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

*** Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, clinker.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng; Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Sửa chữa, trung tu, đại tu các loại ô tô, máy xúc, máy ủi, xe cẩu.
- Tư vấn đầu tư xây dựng, lập dự án, quản lý dự án.
- Gia công chế tạo các mặt hàng cơ khí, khai thác chế biến khoáng sản sản xuất xi măng, kinh doanh các loại phụ gia xi măng.
- Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, kinh doanh bất động sản.

*** Địa bàn kinh doanh:**

Sản phẩm xi măng và clinker của Công ty được tiêu thụ trên những thị trường chủ yếu là Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Tây, Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng. Riêng clinker công ty chủ yếu cấp cho đơn vị công ty thuê gia công như: Công ty Thạch cao xi măng, Công ty xi măng Hải Vân để nghiền và đóng bao tại Quảng Bình, và công ty CP xi măng Miền Trung để phục cho địa bàn Quảng Ngãi, Quảng Nam, khách hòa và tây nguyên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

*** Mô hình quản trị:**

- Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị (bao gồm các Ủy ban chức năng); Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc và các Trưởng phòng khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua trường phụ trách khối.

- Nhìn chung, mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, Hội đồng quản trị đã thành lập các Ủy ban, Hội đồng chức năng giúp việc để có thể thực hiện công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.

*** Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của

Đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 02 Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và 01 Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính do Tổng Giám đốc bổ nhiệm; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua.

Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 12 Phòng ban
- 01 Ban quản lý dự án
- 08 Phân xưởng
- 01 Xí nghiệp tiêu thụ
- 01 Chi nhánh Quảng Trị
- 01 Trạm kinh doanh xăng dầu Ninh Bình.
- 01 Trạm y tế và 01 Phòng Bảo vệ quân sự.

** Các công ty con:*

- a. Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng Miền Trung
Tên công ty viết tắt: CRC.,JSC
- b. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tân Hy, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- c. Ngành, nghề kinh doanh chính:
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- d. Vốn điều lệ: 129.600.000.000 đồng tương ứng 12.960.000 cổ phần.
 - Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CRC là 9.953.280 cổ phần tương ứng 76,8%.

5. Định hướng phát triển

** Mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

Mục tiêu hàng đầu của Vicem Bim Sơn là trở thành nhà cung cấp xi măng hàng đầu khu vực Miền Trung:

- Tiếp tục đổi mới toàn diện, tái cấu trúc lại toàn bộ Công ty nhằm tạo động lực và phát huy tối đa khả năng của mỗi CBCNV công ty.
- Tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- Tối ưu hóa trong sản xuất và quản lý, phấn đấu giảm giá thành sản xuất.

- Tạo dựng hình ảnh tin cậy của khách hàng bằng cách khẳng định giá trị và phát triển thương hiệu mạnh của xi măng Vicem Bim Sơn bằng chất lượng và giá trị gia tăng tới khách hàng.

- Tăng 2-5% thị phần tại các địa bàn cốt lõi và các địa bàn mục tiêu so với năm 2013. Mở rộng thị trường tiêu thụ tại các địa bàn tiềm năng Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa - Tây Nguyên.

- Cải thiện kết cấu tiêu thụ theo hướng tăng xi măng, giảm clinker, tăng tỷ trọng xi măng rời.

- Đáp ứng tối đa xi măng cho chương trình "Nông thôn mới" tại địa bàn Thanh Hóa, đồng thời tìm kiếm cơ hội cung ứng xi măng cho chương trình này tại các địa bàn khác.

** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

- Chiến lược thị trường:

+ Đảm bảo lợi nhuận cho khách hàng, gia tăng giá trị tới khách hàng bằng các dịch vụ vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.

+ Lập phương án Logistic, các phương án để điều phối có hiệu quả nhằm đảm bảo nguồn cung liên tục, đầy đủ cho khách hàng, đồng thời giảm chi phí vận tải.

+ Tăng cường thu thập thông tin thị trường, rà soát lại các chính sách các phương án marketing cho từng phân khúc khách hàng để điều chỉnh việc giao sản lượng và động viên các NPP, hệ thống bán hàng thực hiện mục tiêu.

+ Sắp xếp hệ thống phân phối (NPPC, CHVLXD, nhà xe kinh doanh). Tiếp tục rà soát và giao các chỉ tiêu theo mô hình BSC (từ mục tiêu sản lượng, thị phần, năng lực vận tải, năng lực quản lý, năng lực tài chính) cho hệ thống phân phối cụ thể và chặt chẽ hơn trên cơ sở có thưởng, phạt cụ thể, tạo niềm tin cho hệ thống phân phối.

+ Rà soát thị trường, mở rộng độ phủ tới các vùng có thị phần thấp tại các địa bàn cốt lõi.

+ Kiểm soát chặt chẽ thị trường tiêu thụ, kiện toàn và kiểm soát hệ thống phân phối, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên thị trường.

+ Triển khai nghiên cứu, đánh giá chất lượng để sản xuất xi măng cho bê tông thương phẩm phù hợp với các công trình dân dụng, công nghiệp.

+ Tăng cường phối hợp để đẩy mạnh xuất khẩu xi măng và Clinker cùng với Vicem.

+ Tiếp tục củng cố và xây dựng hệ thống, đội ngũ marketing, thương vụ, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khách hàng...

+ Ứng dụng có hiệu quả nguồn lực công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý khách hàng POS/CRM.

- Tối ưu hóa trong hoạt động sản xuất

+ Kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào và chất lượng, nguồn gốc phụ gia tại các Trạm nghiền.

- + Tối ưu hóa công đoạn khai thác và vận chuyển nguyên liệu.
- + Tập trung sửa chữa lớn 2 lò nung đạt tiến độ, hiệu quả, chất lượng làm nền tảng duy trì 2 lò nung chạy dài ngày, hạn chế tình trạng dừng lò ngoài kế hoạch.
- + Không ngừng nghiên cứu nhằm tối ưu các công đoạn NXM - ĐB...
- + Nâng cao khả năng phối hợp nội bộ giữa các đơn vị.
- + Chuẩn hóa các quy trình thí nghiệm, phối liệu, vận hành nhằm mục tiêu là sản xuất Clinker có độ hoạt tính cao, tối ưu hóa tiêu hao điện năng và nhiệt năng.
- + Điều chỉnh tăng tỷ lệ pha phụ gia cho xi măng trên cơ sở điều hành khoa học, linh hoạt, hiệu quả phù hợp với nguồn Clinker sử dụng (tăng tỷ lệ đá vôi, không tăng bazan).
- + Phát huy tối đa công suất, đồng thời kiểm soát và nâng cao chất lượng xi măng tại các Trạm nghiền.
- + Tiếp tục nghiên cứu, triển khai xây dựng đường chuẩn theo phương pháp mẫu nung chảy, đảm bảo độ chính xác cao, giảm thiểu phân tích theo phương pháp hóa ướt.
- + Nghiên cứu, lập kế hoạch cải tạo các vật tư phụ tùng tồn kho để tái sử dụng.
- + Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa.
- + Đánh giá tình trạng thiết bị tại Trạm nghiền Quảng Trị để có kế hoạch sửa chữa, cải tạo.

- Hoạt động tài chính:

- + Tiếp tục kiểm soát dòng tiền, cân đối dòng tiền, đảm bảo hạ lãi suất... bảo đảm nguồn tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ dự án.
- + Phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị, kiểm soát chi phí thông qua các "Trung tâm chi phí".
- + Nâng cao kỹ năng quản lý công nợ nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính.
- + Thực hiện đảo nợ, sắp xếp, phân loại các khoản nợ để điều chỉnh kỳ hạn trả vốn, gia hạn nợ phù hợp với khả năng trả nợ của Công ty.
- + Đàm phán với nhà cung cấp để tăng hạn mức và dư nợ chậm trả.
- + Cập nhật diễn biến của thị trường tiền tệ để mua EUR trả nợ dự án.
- + Giảm vốn vay lưu động.

- Hoạt động đầu tư:

- + Tiếp tục triển khai dự án Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn
- + Triển khai chương trình đầu tư cảng biển tại Nghi Sơn.
- + Gia công hoặc liên kết đầu tư cải tạo Trạm nghiền xi măng tại Quảng Bình.
- + Đánh giá cụ thể tình trạng thiết bị tại các trạm nghiền để có kế hoạch cải tạo và đầu tư.
- + Cải tạo mặt bằng nhà máy góp phần tối ưu hóa trong hoạt động sản xuất, tạo cảnh quan đẹp, thân thiện.

- Hoạt động quản trị

- + Xây dựng chiến lược

- . Hoàn thiện "chiến lược Công ty giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn tới 2030.
- + Tổ chức và nguồn nhân lực
 - . Tái cấu trúc phòng HCQT.
 - . Tái cấu trúc phòng TCLĐ thành phòng Tổ chức và Nguồn nhân lực.
 - . Tái cấu trúc phòng KTTKTC thành phòng Kế toán tài chính.
 - . Sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình hoạt động của Xí nghiệp tiêu thụ; Chi nhánh Quảng Trị.
 - . Tiếp tục tổng hợp nội quy, quy chế, quy định của Công ty để lập kế hoạch sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị trong Công ty.
 - . Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nhân sự cho Công ty cổ phần xi măng miền Trung.
 - . Nghiên cứu và sửa đổi chính sách tiền lương nhằm đảm bảo sự đãi ngộ công bằng.
 - . Tăng cường công tác đánh giá, luân chuyển nhân sự tạo động lực làm việc, khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo.

+ Công nghệ thông tin

- . Tiếp tục triển khai dự án ERP theo lộ trình của Vicem
 - . Triển khai ứng dụng phân hệ tài chính kế toán (FIN) thuộc ERP
 - . Ứng dụng phần mềm quản lý mua hàng (PO); quản lý hàng tồn kho (INV)
 - . Triển khai ứng dụng phần mềm xây dựng và quản lý ngân sách Oracle Hyperion
 - . Hoàn thiện hệ thống "Quản lý khách hàng và bán hàng qua mạng" CRM/POS
 - . Hoàn thiện phần mềm quản lý ngân sách nội bộ.
 - . Hoàn thiện hệ thống tính thuế thu nhập cá nhân.
- * Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:*
- Xử lý triệt để các điểm có nguy cơ mất an toàn.
 - Đào tạo kỹ năng, truyền thông nâng cao ý thức cho người lao động về: ATLĐ-VSMT-PCCN, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị trong sản xuất.
 - Giám sát và kiểm tra nghiêm ngặt việc thực hiện các biện pháp ATLĐ - PCCN.
 - Triển khai có hiệu quả chương trình 5S.
 - Áp dụng quy trình quản lý môi trường ISO 14001-2004. Đẩy mạnh và phát triển sâu rộng các hoạt động của chương trình 5S.
 - Quy hoạch hệ thống phân loại bãi chứa chất thải.
 - Môi trường xanh, sạch, đẹp, giảm thiểu khí thải.
 - Rà soát, sửa đổi và ban hành quy định ATLĐ; PCCN và VSMT trong vận hành, sửa chữa thiết bị.

6. Các rủi ro:

- * Kinh tế - xã hội:*

Dự báo tình hình kinh tế thế giới có những khởi sắc trong năm 2014, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi, dù còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2014 được dự đoán có nhiều khả năng sẽ hồi phục nhưng sẽ thiếu bền vững nếu những tồn tại mang tính cơ cấu của nền kinh tế chưa được giải quyết, như yếu kém về cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực thấp, ngành công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, bất cập tồn tại trong hệ thống luật pháp, chính sách... Năm 2014 cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm phát cao do tác động trễ của những chính sách tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh năm 2013. Nền kinh tế của Việt Nam dần đi vào ổn định.

** Ngành xi măng:*

Năm 2014, Chính phủ tiếp tục rà soát việc thực hiện các dự án xi măng trong kế hoạch 2012- 2015. Phối hợp với Hiệp hội Xi măng tăng cường hợp tác giữa các đơn vị xuất khẩu sản phẩm xi măng, nâng cao hiệu quả cho doanh nghiệp. Dự kiến tổng tiêu thụ xi măng khoảng 62-63 triệu tấn (tăng 1,5%-3% so với năm 2013). Trong đó tiêu thụ nội địa 48,5-49 triệu tấn, dự kiến xuất khẩu khoảng 13,5-14 triệu tấn.

Năm 2014 sự cạnh tranh tiếp tục diễn ra gay gắt của các nhà sản xuất; trong khi chi phí đầu vào tiếp tục tăng cao.

Do cung vượt cầu nên cạnh tranh đã diễn ra khốc liệt trong phân khúc xi măng dân dụng, giữa sản phẩm giá cao và sản phẩm giá thấp.

Trên thị trường tiếp tục xuất hiện các nguồn cung của xi măng (Sông Gianh 2, Đồng Lâm, Xuân Thành...). Do xu hướng tiêu dùng thay đổi nên người tiêu dùng có xu thế dùng nhiều xi măng giá rẻ, đặc biệt ở phân khúc dân dụng.

Hệ thống phân phối bán nhiều loại xi măng. Các cửa hàng VLXD gia tăng sức ép lên Nhà phân phối, Nhà phân phối gây sức ép lên nhà sản xuất.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2013 là năm đầy khó khăn đối với ngành xi măng. Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành xi măng, Vicem Bim Sơn đã có những dấu ấn mạnh mẽ và hiệu quả trong năm qua, cụ thể:

- Tối ưu hóa sản xuất: Công ty đã thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, các giải pháp trong quản lý sản xuất để tăng năng suất và chất lượng, giảm tiêu hao nhằm hạ giá thành sản phẩm..

- Định dạng lại thị trường tiêu thụ: Công ty đã định dạng lại toàn bộ thị trường tiêu thụ xi măng, thực hiện điều hành hoạt động thị trường một cách linh hoạt.

- . Đàm phán với các NPP để tăng sản lượng, giao sản lượng theo tuần, tháng. Thực hiện chiết khấu theo sản lượng.

- . Phân tích rõ phân khúc về thị trường để có các chính sách về sản phẩm, giá, sự phù hợp, đảm bảo mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo nhu cầu tối đa.

. Tăng cường đội ngũ bán hàng, thương vụ, hỗ trợ hệ thống các cửa hàng (chương trình thanh niên tình nguyện - "sale hero" xuống các cửa hàng VLXD để tư vấn, giúp đỡ khách hàng... cũng như nắm bắt thông tin thị trường)

. Gia tăng chương trình thăm hỏi NPP, các cửa hàng VLXD.

. Mở thêm NPPC trên các địa bàn Nghệ An, Quảng Bình đảm bảo nguồn cung xi măng liên tục, ổn định.

. Tổ chức chương trình gắn kết các NPP với nhà sản xuất; giao lưu, tham qua du lịch, hội nghị khách hàng, thành lập hiệp hội các NPP xi măng Bim Son.

. Đưa sản phẩm xi măng tiếp cận các công trình, trạm trộn bê tông, cơ sở sản xuất tấm lợp.

. Nâng cao chất lượng xi măng OPC, PCB40 rời để đáp ứng các công trình có yêu cầu cao.

. Tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

- Tập trung vào công tác quản trị doanh nghiệp:

. Công ty đã thực hiện việc tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh giản, giảm khâu hành chính chồng chéo, tạo điều kiện cho việc ra quyết định nhanh gọn, hiệu quả hơn.

. Công ty đã ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động thị trường, đồng thời coi trọng vấn đề ATLD, VSMT và PCCN, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm khí thải, giữ sạch môi trường.

Qua đó năm 2013, Vicem Bim Son đã đạt được những kết quả như sau:

Sản lượng tiêu thụ đạt 3.939.509 tấn; Doanh thu đạt 3.893 tỷ đồng; Tổng lợi nhuận trước thuế 1,88 tỷ đồng; Nộp ngân sách nhà nước đạt 152,7 tỷ đồng. Thị phần trong năm 2013 được gia tăng tại tất cả các địa bàn (tăng từ 2%-10% so với cùng kỳ). Gia tăng thêm các điểm xuất hàng tại Quảng Ngãi để đẩy mạnh sản xuất và chiếm lĩnh thị trường, đặc biệt là thị trường Miền Trung. Đáp ứng đủ các chủng loại sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 nhìn chung đã đạt được so với mục tiêu đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức niêm yết:

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

- Tổ chức bộ máy quản lý của công ty bao gồm: Tổng giám đốc điều hành, 02 Phó tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và 01 Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính do

Tổng Giám đốc bổ nhiệm; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã thông qua.

* Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 12 Phòng ban
- 01 Ban quản lý dự án
- 08 Phân xưởng
- 01 Xí nghiệp tiêu thụ
- 01 Chi nhánh Quảng Trị
- 01 Trạm kinh doanh xăng dầu Ninh Bình.
- 01 Trạm y tế và 01 Phòng Bảo vệ quân sự.

2.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

a, Ông Trần Việt Thắng:

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/02/1968

Quê quán: An Hoà, Biên Hoà, Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 2 2 6 1 7 9 8 5

Địa chỉ thường trú: Số nhà 62 Khu phố 2, P.Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Số điện thoại di động: 0903.907.570

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

* Quá trình công tác:

- Từ 10/1989 đến 10/1992: Kỹ sư Ban CBSX - XM Hà Tiên mở rộng.
- Từ 10/1992 đến 06/1994: Kỹ sư tổ đầu tư - Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 07/1994 đến 06/1999: Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Cung ứng, Trưởng đại diện tại Hà Nội - Công ty LD xi măng Sao Mai.
- Từ 06/1999 đến 09/1999: Trợ lý Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 10/1999 đến 06/2001: Phó Giám đốc - Phụ trách xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 06/2001 đến 07/2007: Giám đốc xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ xi măng Hà tiên 1, Phó Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 08/2005 đến 07/2007: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 07/2007 đến 12/04/2010: Trợ lý Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.

- Từ 12/04/2010 đến 15/09/2013: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.

- Từ 15/09/2013 đến nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.

- Từ 07/05/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

b, Ông Bùi Hồng Minh:

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn
Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/10/1971

Quê quán: Hà Bình, Hà Trung, Thanh Hoá

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 1 2 2 6 9 7 9 6

Địa chỉ thường trú: BT5, 262 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Số điện thoại di động: 0913.289.503

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

*** Quá trình công tác:**

- Từ 10/1992 đến 09/1995: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Công ty xi măng Hà Tiên 2.

- Từ 10/1995 - 12/1999: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Tổng công ty xi măng Việt Nam.

- Từ 01/2000 - 03/2001: Phó phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty xi măng Bút Sơn

- Từ 04/2001 - 14/02/2002: Trưởng phòng KTTKTC - Công ty xi măng Bút Sơn

- Từ 15/02/2002 - 04/2006: Kế toán trưởng Công ty xi măng Bút Sơn

- Từ 05/2006 - 03/2007: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng Bút Sơn.

- Từ 04/2007 - 05/2008: Giám đốc Ban chuẩn bị thành lập Công ty tài chính - Tổng công ty xi măng Việt Nam.

- Từ 05/2008 - 01/09/2011: Bí thư Chi bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Tài chính cổ phần xi măng.

- Từ 01/09/2011 đến 24/12/2013: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn,

- Từ 01/09/2011 đến 14/02/2014 : Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

- Từ 18/04/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Bim Sơn

- Từ 24/12/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam

c, Ông Ngô Sỹ Túc

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Son.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/01/1959

Quê quán: Xã Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 5 9 7 8 3 0

Địa chỉ thường trú: Đường Chu Văn An, Phường Ba Đình, TX Bim Son, Thanh Hoá

Số điện thoại di động: 0912.383.215

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

* Quá trình công tác:

- Từ 01/1984 đến 02/1999: Sau khi tốt nghiệp Đại học ở Hungary vào nhận công tác tại Công ty xi măng Bim Son - làm Kỹ thuật viên.

- Từ 03/1999 đến 06/2003: Kỹ thuật viên Ban Quản lý dự án xi măng Bim Son.

- Từ 07/2003 đến 05/2004: Phó phòng Cơ khí Công ty xi măng Bim Son.

- Từ 06/2004 đến 05/2005: Phó phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Công ty xi măng Bim Son.

- Từ 06/2005 đến 10/2005: Biệt phái tại Dự án xi măng Hải Phòng.

- Từ 11/2005 đến 09/2006: Trở lại Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án xi măng Bim Son.

- Từ 10/2006 đến 20/01/2010: Phó Giám đốc Ban QLDA xi măng Bim Son.

- Từ 20/01/2010 đến 23/12/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Son, kiêm Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án xi măng Bim Son.

- Từ 18/04/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị

- Từ 24/12/2013 đến nay Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Son

d, Ông Vũ Văn Hoan

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Son

Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Son.

Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bim Son

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/04/1958

Quê quán: Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 8 9 1 3 1 6

Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bim Son, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 767 155

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

* Quá trình công tác:

- Từ 09/1981 đến 04/1983: Kỹ sư, Nhà máy gạch Bim Sơn.
- Từ 05/1983 đến 12/1986: Cán bộ định mức, Nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/1987 đến 05/1990: Phó phòng CU VTTB Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/1990 đến 02/1999: Phó phòng TCLĐ Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 03/1999 đến 06/2004: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 07/2004 đến 04/2006: Phó Giám đốc ban quản lý dự án, công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2006 đến 08/2006: Phó Giám đốc ban quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 09/2006 đến nay: Phó Giám đốc công ty, Giám đốc ban quản lý dự án dây chuyền mới nhà máy XM Bim Sơn.
- Từ 04/2008 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn
- Từ 14/02/2014 đến nay : Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

e, Ông Doãn Nam Khánh

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/09/1962

Quê quán: Xã Song Lãng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 8 9 1 6 1 0

Địa chỉ thường trú: Khu phố 5, Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 825 453

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

*** Quá trình công tác:**

- Từ 08/1986 đến 08/1988: Kỹ thuật viên nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 09/1988 đến 12/1993: Phó bí thư DTNCS Hồ Chí Minh nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 12/1993 đến 07/1994: Phó bí thư DTNCS Hồ Chí Minh Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 08/1994 đến 09/1997: Chuyên viên Phòng KTKH - Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/1997 đến 12/1999: Phó Quản đốc xưởng Công trình, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/2000 đến 09/2004: Quản Đốc xưởng SCCT - Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/2004 đến 04/2007: Trưởng Phòng KTKH - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/05/2007 đến 07/05/2009: Thành viên HĐQT/Giám Đốc điều hành Công ty CP Bao Bì Bim Sơn.
- Từ 07/05/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

f, Ông Nguyễn Văn Châu

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/06/1956
Quê quán: Xã Đồng Văn, Huyện Tân Kỳ, Nghệ An.
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 1 7 1 4 5 6 1 7 1
Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá
Số điện thoại cơ quan: 037.3 824 789
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

*** Quá trình công tác:**

- Từ 08/1972 đến 10/1974: Thanh niên xung phong, đội 309 binh trạm 8 Nghệ An.
- Từ 11/1974 đến 04/1981: Sinh Viên Đại học Bách khoa Hà Nội.
- Từ 05/1981 đến 10/1985: Trưởng ca nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/1985 đến 10/1994: Kỹ thuật viên, Nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 11/1994 đến 04/1998: Phó Quản đốc xưởng nghiền, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/1998 đến 05/2007: Quản đốc xưởng nghiền, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 06/2007 đến nay: Phó Giám đốc, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

g. Ông Lê Huy Quân

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính
Giới tính: Nam
Sinh ngày: 01/10/1965
Quê quán: Xã Tân Ninh - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Chứng minh thư số: 171.135.837 cấp ngày: 05/07/2006 tại: CA Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: Phường Ngọc Trạo - Thị Xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

*** Quá trình công tác:**

- Từ 06/1983 đến 02/1984: Công nhân tiếp nhận nhà máy xi măng.
- Từ 1984 đến 1985: Học trung cấp kế toán, chuyên ngành kinh tế công nghiệp - Trường trung học xây dựng số 1 Thanh Hóa.
- Từ 1987 đến 1992: Học đại học tại chức chuyên ngành kinh tế công nghiệp - Trường đại học bách khoa Hà Nội.
- Từ 03/1984 đến 10/1993: Kế toán xí nghiệp vật tư xây dựng số 405.
- Từ 11/1993 đến 11/2006: Kế toán công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 08/1998 đến 09/1999: Học bồi dưỡng Kế toán Trưởng.
- Từ 2003 đến 2005: Học trung cấp lý luận chính trị - Trường chính trị tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 08/2003 đến 11/2007: Học đại học tại chức, chuyên ngành Kế toán - Trường Đại học Thương mại Hà Nội.

- Từ 09/2007 đến 09/2009: Học Thạc sỹ chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh - Trường đại học HELP.

- Từ 12/2006 đến 01/2012: Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

- Từ 02/2012 đến 07/2012: Phụ trách phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

- Từ 08/2012 đến nay: Trưởng phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

2.3. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

a, Ông Tạ Duy

Chức vụ hiện tại: Phó ban Thanh tra pháp chế của Tổng công ty CN XM Việt Nam.
Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/09/1960

Quê quán: Xã Đồng Tiến - Huyện Khoái Châu - Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 1 0 4 5 1 1 4 1

Địa chỉ thường trú: Số 14, Ngõ 60, Phố Ngọc Hà, P.Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.

Số điện thoại di động: 0913.012.912

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

*** Quá trình công tác:**

- Từ 02/1982 đến 01/1988: Chuyên viên Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói sành sứ - Bộ Xây dựng.

- Từ 02/1988 đến 01/1990: Chuyên viên phòng Kế hoạch Nhà máy gạch Từ Liêm.

- Từ 02/1990 đến 07/1991: Chuyên viên phòng Kế toán TC Liên hiệp các XN Xi măng.

- Từ 08/1991 đến 02/1999: Chuyên viên phòng Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.

- Từ 03/1999 đến 03/2004: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kế toán TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.

- Từ 04/2004 đến 12/2005: Trưởng Phòng Kế toán TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.

- Từ 01/2006 đến 06/2010: Kế toán trưởng TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng Việt Nam.

- Từ 06/2010 đến nay: Phó ban Thanh tra pháp chế của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.

- Từ 26/04/2011 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn. (Bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát của Công ty từ ngày 26/04/2011).

b, Ông Hà Văn Diên

Chức vụ hiện tại: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam
Sinh ngày: 02/12/1961
Quê quán: Hoằng Trinh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 1 7 1 4 9 4 1 6 3
Địa chỉ thường trú: SN 176, Trần Phú, Phường Lam Sơn, TX.Bim Sơn, Thanh Hóa
Số điện thoại cơ quan: 037.3 824.880
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính

*** Quá trình công tác:**

- Từ 03/1979 đến 10/1983: Quân nhân QĐND Việt Nam.
- Từ 11/1983 đến 11/1991: NV Kế toán XN Vật tư XD số 405 - Xí nghiệp CU' xi măng.
- Từ 12/1991 đến 12/1998: NV Kế toán Trung tâm GD tiêu thụ - Công ty XM Bim Sơn (Từ 1991 đến 1995: Học tại chức Trường Đại học Tài chính Kế toán).
- Từ 01/1999 đến 11/7/2004: Trưởng ban Kế toán Chi nhánh Công ty CP xi măng Bim Sơn tại Thanh Hóa.
- Từ 12/7/2004 đến 28/2/2006: NV Kế toán Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/03/2006 đến nay: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 26/04/2011 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn (Bổ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 26/04/2011)

c, Ông Tăng Xuân Trường

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Phó phòng Tổ chức lao động.
Giới tính: Nam
Sinh ngày: 26/06/1957
Quê quán: Xã Hưng Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 1 7 1 6 2 8 4 5 5
Địa chỉ thường trú: Phường Đông Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá
Số điện thoại cơ quan: 037.3 825 793
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật

*** Quá trình công tác:**

- Từ 10/1976 đến 08/1980: Bộ đội, Quân đoàn II.
- Từ 09/1980 đến 04/1985: Sinh viên đại học luật Hà Nội.
- Từ 05/1985 đến 09/2000: Nhân viên pháp chế, công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/2000 đến 04/2006: Phó phòng tổ chức lao động, Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 05/2006 đến nay: Thành viên ban kiểm soát, Phó phòng Tổ chức lao động, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

d, Ông Trịnh Hữu Hạnh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Trưởng phòng kỹ thuật - Ban QLDA Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam
Sinh ngày: 18/05/1957
Quê quán: Xã Cầu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 1 7 1 5 4 5 5 8 6
Địa chỉ thường trú: Phường Lam Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá
Số điện thoại cơ quan:
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

*** Quá trình công tác:**

- Từ 08/1978 đến 10/1981: Bộ đội E273-F341A Campuchia.
- Từ 11/1981 đến 06/1983: Học tiếp trường THXD số 3.
- Từ 07/1983 đến 09/1996: Công nhân công ty xi măng Bim Sơn
- Từ 10/1996 đến 04/1999: Cán bộ kỹ thuật, công ty xi măng Bim Sơn
- Từ 05/1999 đến 06/2004: Cán bộ kế hoạch, phòng kế hoạch, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 07/2004 đến 04/2006: Phó phòng kỹ thuật, Ban QLDA, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2006 đến 10/2009: Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 11/2009 đến 07/2012: Thành viên Ban kiểm soát, Quyền Trưởng phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 08/2012 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

e, Ông Lê Văn Bằng

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
Phó phòng Thí nghiệm KCS.

Giới tính: Nam
Sinh ngày: 24/04/1963
Quê quán: Xã Đồng Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 1 7 0 1 5 4 9 1 0
Địa chỉ thường trú: Phường Đông Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá
Số điện thoại cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat

* Quá trình công tác:

- Từ 04/1983 đến 01/1988: Công Nhân xí nghiệp lắp máy 45-1
- Từ 02/1988 đến 12/1994: Công nhân, Công ty xi măng Bim Son.
- Từ 01/1995 đến 02/1997: Trưởng ca, Công ty xi măng Bim Son.
- Từ 03/1997 đến 04/2006: Kỹ thuật viên, phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty xi măng Bim Son.
- Từ 05/2006 đến tháng 04/2007: Ủy viên ban kiểm soát, kỹ thuật viên, phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty xi măng Bim Son.
- Từ 05/2007 10/2011: Thành viên ban kiểm soát, Phó phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần xi măng Bim Son.
- Từ 11/2011 đến nay: Phó phòng TN-KCS, Công ty cổ phần xi măng Bim Son.

2.4. Thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2013, Ban điều hành có sự thay đổi như sau:

- Ông Bùi Hồng Minh thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc công ty
- Ông Ngô Sỹ Túc được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc công ty

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a, Tình hình lao động:

Tổng số CBCNV của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013: 2.013 người.

b, Chính sách đối với người lao động:

- Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành và thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao trình độ tay nghề của công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty tổ chức các lớp đào tạo mời các cơ quan chức năng, các trường đào tạo lên lớp, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ.

- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

+ Hằng năm, người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.

+ Hằng năm Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.

+ Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể 24/24 và Bảo hiểm xã hội cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt theo quy định.

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng các chế độ ăn ca, chống nóng và tiền chè nước cho người lao động.

+ Tổ chức nghỉ điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động có sức khoẻ từ loại III trở lên hoặc mới ốm dậy.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a, Các khoản đầu tư lớn:

- Quyết toán dây chuyền mới: tổng số gói thầu được quyết toán là 68/68 gói thầu; đã kiểm toán 67/68 gói thầu.
- Dự án chuyển đổi công nghệ, nâng công suất dây chuyền 1: CCID đã lập xong dự thảo đầu tư xây dựng, Viện VLXD khảo sát xong, UBND tỉnh Thanh Hóa đã gửi văn bản đề nghị BXD bổ sung quy hoạch mỏ sét Hà Long, mỏ sét Thanh Ninh, mỏ đá Yên Duyên mở rộng, công ty đang tiến hành các thủ tục xác định chủ quyền khai thác các mỏ trên.
- Dự án chuyển đổi thay thế hệ thống máy nghiền xi măng 2,3 đang triển khai các thủ tục để đầu tư xây dựng.
- Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn: Hoàn thành lập quy hoạch chi tiết 1/500, UBND thị xã đang thẩm định phê duyệt. Công ty POSCO đang triển khai thực hiện thiết kế kiến trúc theo phương án đã chọn.
- Công ty đã thương thảo và thực hiện mua 76,8% cổ phần của công ty cổ phần xi măng Miền Trung từ 01/05/2013.
- Dự án "làng xi măng Bim Sơn": UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương tạo quỹ đất làm nhà ở cho CBCNV tại xã Hà Long, Công ty đang xem xét nhu cầu thực tế của cán bộ công nhân viên để quyết định triển khai các bước tiếp theo.
- Dự án đường Trần Nhân Tông (mở rộng đường vận chuyển sản phẩm đầu ra để vận chuyển nguyên vật liệu đầu vào tránh khu dân cư) công ty đang tiến hành các bước để thực hiện đầu tư.

b, Các công ty con, công ty liên kết:

*** Tình hình hoạt động:**

Công ty cổ phần xi măng Miền Trung (CRC) nằm trên địa bàn khu kinh tế Dung Quất - Tỉnh Quảng Ngãi với công suất thiết kế 500.000 tấn/năm. Sau thời gian đầu tư xây dựng đến ngày 01/05/2013 CRC chính thức kết thúc giai đoạn dự án chuyển sang giai đoạn sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2013 với rất nhiều khó khăn cả trong sản xuất và tiêu thụ tuy nhiên với những nỗ lực của Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn cũng như nội tại CRC. CRC đã có những kết quả khả quan:

- Tổng sản phẩm sản xuất: 103.962 tấn
- Tổng sản phẩm tiêu thụ: 101.775 tấn.
- Thị phần tại Quảng Ngãi: $34 \div 35 \%$.
- Độ phủ tại Quảng Ngãi: $76 \div 80 \%$

Năm 2014 với mục tiêu tiêu thụ 350.000 tấn/năm CRC đã có những mục tiêu hành động cụ thể:

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp thiết bị để đưa năng suất vượt công suất thiết kế. Trước mắt sửa chữa cải tạo máy nghiền, cắt vách ngăn, từ 3 ngăn chuyển thành 2 ngăn, thay ngăn đập thành bi cầu, đưa năng suất máy nghiền lên từ $80 \div 100$ Tấn/giờ.

- Đầu tư thêm kết cấu xi măng 800 Tấn để chứa các loại xi măng theo yêu cầu đặt hàng của khách (Ví dụ: xi măng đặc biệt PC50 dùng trong sản xuất BêTông li tâm, các cấu kiện đặc biệt hoặc xi măng dùng cho nông thôn kênh mương hóa).

- Tìm nguồn nguyên liệu phụ gia cung cấp ổn định, đạt chất lượng thương thảo hạ giá mua vào một cách hợp lý.

- Ổn định chất lượng các chủng loại sản phẩm cung cấp.

- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới để gia tăng sản lượng.

- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị, tiết giảm chi phí.

* Tình hình tài chính của công ty con CRC:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản		335.665	
Doanh thu thuần		27.197	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(26.555)	
Lợi nhuận khác		235	
Lợi nhuận trước thuế		(26.320)	
Lợi nhuận sau thuế		(26.320)	

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5.728	5.571	(2,74)
Doanh thu thuần	3.516	3.729	6,06
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	91,113	(5,388)	(105,91)
Lợi nhuận khác	0,752	7,272	867,02
Lợi nhuận trước thuế	91,865	1,884	(97,95)
Lợi nhuận sau thuế	68,899	0,433	(99,37)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2012	2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,6	0,5	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,4	0,3	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,8	0,8	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,0	3,9	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	5,0	6,5	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,6	0,7	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,00	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,00	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,00	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	-0,001	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 95.661.397 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 95.661.397 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

- Nhà nước: 69.972.062 cổ phần, chiếm 73,146%.
- Cá nhân và các tổ chức khác: 25.689.335 cổ phần, chiếm 26,854%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2013, Công ty không chào bán cổ phiếu, không phát hành cổ phiếu thưởng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013, tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và ngành xi măng nói riêng... Tuy nhiên, bằng nỗ lực vượt bậc của mình, Công ty đã đạt được những thành tích đáng kể, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013 đã đề ra. Cụ thể:

Tổng tiêu thụ năm 2013 (tấn)

Chỉ tiêu	TH 2012	TH 2013	NQ 2013	% So sánh với	
				TH 2012	NQ 2013
Tổng tiêu thụ	3.939.429	3.939.509	3.598.000	100,00	109,49
Xi măng	2.543.467	3.451.276	2.748.000	135,69	125,59
Clinker bán	1.395.962	488.232	850.000	34,98	57,44

Sản lượng tiêu thụ tại các địa bàn (tấn)

Địa bàn	Năm 2012	Năm 2013			So với 2012
		TH	NS	% HT	
Hà Nội	471.203	464.767,27	485.570	95,716	98,634
Nam Định	377.357	398.914,59	410.000	97,296	105,713
Thanh Hóa	784.837	916.590,88	887.489	103,279	116,787
Hà Tĩnh	242.083	482.122,88	350.325	137,622	199,156
Nghệ An	116.453	226.870,37	134.616	168,532	194,817
Quảng Bình	48.072	94.325,92	63.000	149,724	196,218
Quảng Trị	130.943	139.893,06	147.000	95,165	106,835
TT Huế	48.311	49.173,13	78.000	63,042	101,785
Quảng Ngãi		91.598,40			

Thị phần tại các địa bàn (%)

Địa bàn	TH 2012	Mục tiêu 2013	TH 2013	% tăng giảm TH 2013 với	
				TH 2012	Mục tiêu 2013
Hà Nội	46%	50%	52%	6%	2%
Nam Định	39%	42%	41%	2%	-1%
Thanh Hóa	44%	45%	50%	6%	5%
Hà Tĩnh	7%	10%	13%	6%	3%
Nghệ An	34%	40%	43%	9%	3%
Quảng Bình	15%	25%	27%	10%	2%
Quảng Trị	38%	45%	48%	10%	3%
TT Huế	10%	17%	15%	5%	-2%
Quảng Ngãi			30%		

Kết quả hoạt động sản xuất (tấn)

Chỉ tiêu	TH 2012	TH 2013	NQ 2013	% So sánh với	
				TH 2012	NQ 2013
Clinker sản xuất	3.024.506	2.693.443	2.970.000	89,05	90,69
Lò 2	1.265.440	957.635	1.185.000	75,68	80,81
Lò 3	1.759.066	1.735.808	1.785.000	98,68	97,24
XM bột tại NM	2.247.436	2.981.904	2.651.000	132,68	112,48
XM bột tại CN Q.Trị	212.022	198.921	237.000	93,82	83,93

2. Tình hình tài chính

Năm 2013, Công ty đã thực hiện có hiệu quả các giải pháp tài chính

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, lựa chọn các nguồn vốn huy động có lãi suất thấp, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn.
- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền đáp ứng yêu cầu sản xuất và phù hợp với doanh thu
- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị
- Phân loại, lập thủ tục thanh lý tài sản, vật tư ứ đọng không cần dùng.
- Đàm phán và thỏa thuận với các nhà cung cấp để giảm giá và các điều kiện thanh toán phù hợp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Cải tiến, hoàn thiện phương thức trả lương theo mức độ hoàn thành công việc (KPI) đối với từng đơn vị trong Công ty
- Hoàn thiện dự thảo cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Công ty giai đoạn 2013-2015 và lộ trình thực hiện.
- Rà soát, sửa đổi và ban hành lại các qui chế, quy định nội bộ Công ty phù hợp với qui định của pháp luật tình hình thực tế của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2014 được dự báo là năm tiếp tục khó khăn với nền kinh tế, ngành xi măng tiếp tục cung vượt cầu khoảng 6-7 triệu tấn. Công ty cần phải tiếp tục đổi mới, sáng tạo, tái cấu trúc Công ty, giảm chi phí để hoàn thành kế hoạch ngân sách đề ra. Các yêu cầu của Hội đồng quản trị:

- Công tác quản trị điều hành: Nâng cao chất lượng quản trị, thường xuyên kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiên cứu áp dụng các giải pháp kịp thời để hoạt động có hiệu quả.
- Trong hoạt động sản xuất, công nghệ: Cần thành lập hội đồng chất lượng để xây dựng và thực hiện các mục tiêu, chương trình của Công ty.
- Trong hoạt động tiêu thụ: Thực hiện chính sách gia công xi măng Bim Sơn tại các đơn vị thành viên trong Vicem khi nhu cầu tiêu thụ tăng; Đối với các nhà phân phối chính ngoài Vicem, Công ty rà soát để thực hiện việc bảo lãnh có tài sản đảm bảo, thu hồi công nợ nhanh.
- Về việc tái cấu trúc tổ chức nguồn nhân lực: Hoàn thiện mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty đến năm 2015 đã trình trước HĐQT đồng thời truyền thông rộng rãi cho người lao động trong Công ty biết.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2013

Đối với xi măng Bim Sơn đây cũng là năm cực kỳ khó khăn, thị trường xi măng cung vượt cầu lớn, các địa bàn cốt lõi bị cạnh tranh quyết liệt, các đối thủ giành giật hệ thống phân phối nhằm chiếm lợi thế cạnh tranh. Phân khúc thị trường xi măng giá rẻ xuất hiện ngày càng nhiều.

Trước bối cảnh khó khăn đó, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt thông qua các chủ trương, giải pháp đồng bộ bằng những Nghị quyết cụ thể, linh hoạt đáp ứng được sự phát triển của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo nghị quyết các cuộc họp.

- Năm 2013, Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ một cách linh hoạt, sáng tạo theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Bim sơn. Bám sát kế hoạch ngân sách của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để có biện pháp điều hành linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, phối hợp nhịp nhàng giữa sản xuất và tiêu thụ; thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Kết quả đạt được theo báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán. Đảm bảo kết quả kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Năm 2014 là năm được dự báo nền kinh tế tiếp tục gặp khó khăn. Mục tiêu của Chính Phủ là: ưu tiên cho ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng bền vững, tái cấu trúc đầu tư công, tiếp tục tái cấu trúc cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước và hệ thống ngân hàng, theo đó: Tăng trưởng GDP khoảng 5,8%; Đầu tư/GDP là 30%; Điều này sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các Doanh nghiệp.

- Ngành xi măng nói chung và xi măng Bim Sơn nói riêng tiếp tục sẽ gặp khó khăn trong thời gian tới: Cung cầu vẫn mất cân đối trầm trọng đặc biệt là dư cung cục bộ, áp lực trả nợ vay của các dự án đã đi vào hoạt động, khó khăn về nguồn nguyên liệu sét cho sản xuất; áp lực cạnh tranh để giành giật các NPP, các thị trường diễn biến phức tạp và ngày càng quyết liệt hơn...

- Mục tiêu của Công ty là: Tiếp tục đổi mới toàn diện, tái cấu trúc lại toàn bộ Công ty; Tối ưu hóa trong mọi hoạt động, giảm giá thành sản xuất so với năm 2013; Khẳng định giá trị thương hiệu mạnh của Công ty bằng chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng tới khách hàng...

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành phần HĐQT: Gồm 05 thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Trần Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	21.300.000	21.300.000	
Bùi Hồng Minh	TV.HQĐT - Tổng Giám đốc	13.500.000	13.500.000	
Vũ Văn Hoan	TV.HQĐT - Phó Tổng Giám đốc	11.710.800	11.700.000	10.800

Ngô Sỹ Túc	TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	10.800.500	10.800.000	500
Doãn Nam Khánh	TV.HĐQT	9.907.200	9.900.000	7.200

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

Giải quyết các vướng mắc về tổ chức, đầu tư... thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chuẩn bị các nội dung về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo đại hội cổ đông về kết quả thực hiện các Nghị quyết.

Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp theo định kỳ, ban hành 7 Nghị quyết và 1 quyết định bao gồm:

- Nghị quyết số: 0339/NQ - HĐQT ngày 4/2/2013 về: Mục tiêu - Nhiệm vụ công tác chủ yếu năm 2013.

- Nghị quyết số: 665A/NQ - HĐQT ngày 20/3/2013 về việc: Mục tiêu chủ yếu quý II năm 2013.

- Nghị quyết số: 1354/NQ - HĐQT ngày 29/5/2013 về: Cử người đại diện phần vốn tại công ty CP xi măng Miền Trung và công tác bố trí luân chuyển cán bộ.

- Quyết định số 1385/QĐ-XMBS ngày 3/6/2013 về việc cử đại diện quản lý phần vốn của công ty công ty CP xi măng Bim Sơn tại công ty CP xi măng Miền Trung.

- Nghị quyết số: 2511/NQ - HĐQT ngày 17/9/2013 về: Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu 6 tháng cuối năm 2013.

- Nghị quyết số: 2678A/NQ - HĐQT ngày 4/10/2013 về: Ủy quyền cho Tổng giám đốc ký các thủ tục chào hàng cạnh tranh hoặc đấu thầu hạn chế mua phụ tùng hộp giảm tốc máy nghiền liệu dây chuyền 2.

- Nghị quyết số: 2902/NQ - HĐQT ngày 4/11/2013 về: Một số nội dung trong SXKD của công ty.

- Nghị quyết số: 3368/NQ - HĐQT ngày 19/12/2013 về: Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu quý I năm 2014 và năm 2014.

** Nội dung các Nghị quyết trên tập trung giải quyết một số nội dung trọng yếu sau:*

- Bàn chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ công tác chủ yếu các quý trong năm 2013.
- Chỉ đạo quyết liệt các biện pháp nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất của 2 dây chuyền, hỗ trợ năng suất thiết bị của dây chuyền 3 cho dây chuyền 2.
- Chỉ đạo các biện pháp để nâng cao chất lượng Clinker nền.
- Chỉ đạo quyết liệt việc quyết toán dự án dây chuyền mới và triển khai các dự án theo tinh thần nghị quyết đại hội cổ đông năm 2013 đã quyết nghị.
- Chỉ đạo công tác tái cấu trúc lại công ty đến 2015.

- Chỉ đạo xây dựng KH ngân sách năm 2014 trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành phần Ban kiểm soát: Gồm 05 thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Tạ Duy	Trưởng Ban Kiểm soát	2.772.062	2.772.062	
Hà Văn Diên	TV.BKS - PP.KTTC, Ban QLDA	500		500
Tăng Xuân Trường	TV.BKS - PP.TCLĐ	3.400		3.400
Trịnh Hữu Hạnh	TV.BKS - TP.Kỹ thuật, Ban QLDA	3.200		3.200
Lê Văn Bằng	TV.HĐQT - PP.Thí nghiệm KCS	3.200		3.200

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2013, Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện chế độ làm việc định kỳ và đột xuất, hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Thực hiện chương trình công tác năm 2013, ngoài việc kiểm tra, giám sát chung các mặt quản lý trong sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã trực tiếp tiến hành kiểm tra công tác tiêu thụ sản phẩm, chi phí bán hàng và quản lý công nợ bán hàng năm 2013 tại Xí nghiệp tiêu thụ, Công ty. Ban Kiểm soát đã có những kiến nghị cụ thể để tăng cường công tác quản lý và kinh doanh có hiệu quả hơn như:

- Cần sớm xây dựng và ban hành quy trình bán hàng và quy chế tài chính cho phù hợp với mô hình quản lý của Xí nghiệp tiêu thụ, để có cơ sở cho các bộ phận phòng ban thực hiện và kiểm soát, đặc biệt trong việc thực hiện các chương trình khuyến mại, chiết khấu bán hàng.

- Rà soát lại các điều khoản trong hợp đồng cho phù hợp với thực tế, kiểm tra chặt chẽ thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng, để đảm bảo tính pháp lý và tránh được rủi ro, tranh chấp có thể xảy ra.

Các kiến nghị đã được Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty tiếp thu, chỉ đạo Xí nghiệp tiêu thụ và các phòng ban công ty có biện pháp tăng cường quản lý, thực hiện đạt hiệu quả hơn.

3. Thư ký công ty:

Gồm 02 thành viên:

- Ông: Lê Văn Công - Phó phòng kinh tế kế hoạch.

- Ông: Mai Sỹ Lưu - Phó phòng tổ chức lao động.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc không là Thành viên Hội đồng quản trị thì hưởng lương, thưởng theo chế độ và qui định của công ty.

Các Thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên của Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao mỗi tháng trong năm 2013, cụ thể là:

DVT: đồng/người/tháng

TT	Chức danh	Năm 2013
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	4.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000
5	Thư ký công ty	3.000.000

(*) : Mức thù lao hàng tháng do Đại hội cổ đông thông qua

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Tiếp tục công tác tái cấu trúc toàn bộ Công ty, xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty đến năm 2015. Tiếp tục điều động và luân chuyển cán bộ nhằm phát huy tối đa khả năng của CBCNV.

Xây dựng hệ thống các quy trình trong quản lý, điều hành của Công ty

VI. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: 360 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3831.5100

Fax: (84.4) 3831.5090

Email:

Website: www.ey.com.vn

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.156.833.681.680	1.211.189.336.378
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	131.893.562.231	91.442.918.370
111	1. Tiền		97.226.650.233	86.261.460.266
112	2. Các khoản tương đương tiền		34.666.911.998	5.181.458.104
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	88.032.418.778	130.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		88.032.418.778	130.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		430.773.804.901	527.864.996.731
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	330.315.000.367	415.582.981.501
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	96.908.510.349	104.653.272.211
135	3. Các khoản phải thu khác	7	5.446.215.040	9.524.663.874
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.895.920.855)	(1.895.920.855)
140	IV. Hàng tồn kho	8	475.335.706.140	454.129.924.331
141	1. Hàng tồn kho		475.335.706.140	454.129.924.331
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.798.189.630	7.751.496.946
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.005.621.121	694.069.258
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		17.861.214.420	2.309.737.711
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		8.931.354.089	4.747.689.977
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.628.046.202.442	4.516.425.872.216
220	I. Tài sản cố định		4.510.846.629.224	4.436.856.760.885
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.432.242.688.383	4.420.339.349.912
222	Nguyên giá		6.755.429.176.677	6.507.007.423.339
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.323.186.488.294)	(2.086.668.073.427)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.974.580.627	9.888.750.868
228	Nguyên giá		10.793.700.028	11.560.100.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.819.119.401)	(1.671.349.160)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	69.629.360.214	6.628.660.105
260	II. Tài sản dài hạn khác		101.657.322.720	79.569.111.331
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	101.657.322.720	79.569.111.331
	III. Lợi thế thương mại		15.542.250.498	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.784.879.884.122	5.727.615.208.594

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.636.147.388.140	4.584.020.710.308
310	I. Nợ ngắn hạn		2.391.654.106.442	1.884.172.050.498
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	1.543.555.915.568	1.250.154.548.156
312	2. Phải trả người bán	14.1	724.890.064.409	492.476.855.933
313	3. Người mua trả tiền trước	14.2	4.075.571.303	447.552.601
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.136.384.301	6.942.949.369
315	5. Phải trả người lao động		25.804.446.718	67.034.590.712
316	6. Chi phí phải trả	16	27.111.934.185	20.071.726.376
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	55.850.698.940	41.695.240.346
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.229.091.018	5.348.587.005
330	II. Nợ dài hạn		2.244.493.281.698	2.699.848.659.810
333	1. Phải trả dài hạn khác		10.693.000	10.693.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	18	2.241.990.993.210	2.699.837.966.810
334	3. Doanh thu chưa thực hiện		2.491.595.488	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.124.853.195.666	1.143.594.498.286
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.124.853.195.666	1.143.594.498.286
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		956.613.970.000	956.613.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(172.211.756.014)	(184.807.522.418)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		277.062.432.076	219.307.736.302
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		28.155.543.156	26.048.543.156
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.773.594.605)	68.361.695.774
421	7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			1.063.474.419
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	21	23.879.300.316	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.784.879.884.122	5.727.615.208.594

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	213	218
- Euro (EUR)	236	376

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.893.349.653.128	3.747.498.620.368
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(164.657.583.527)	(231.163.038.352)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.728.692.069.601	3.516.335.582.016
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(3.019.746.113.314)	(2.716.272.766.065)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		708.945.956.287	800.062.815.951
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	9.131.760.366	43.882.038.159
22	7. Chi phí tài chính	22	(381.451.490.244)	(444.546.697.178)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(275.332.362.621)	(366.799.755.935)
24	8. Chi phí bán hàng		(195.836.193.780)	(178.308.335.432)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(174.201.365.984)	(129.976.583.214)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(33.411.333.355)	91.113.238.286
31	11. Thu nhập khác	23	89.537.983.985	27.598.231.624
32	12. Chi phí khác	23	(82.482.430.094)	(26.845.984.592)
40	13. Lợi nhuận khác	23	7.055.553.891	752.247.032
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		(26.355.779.464)	91.865.485.318
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(1.451.221.427)	(22.966.371.329)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(27.807.000.891)	68.899.113.989
	Trong đó:			
61	Lỗ của các cổ đông thiểu số		(6.189.406.286)	
62	Lỗ/lãi của các cổ đông Công ty mẹ		(21.617.594.605)	68.899.113.989
61	17. Lãi trên cổ phiếu	27		
	Trong đó:			
	Lãi cơ bản		(226)	720
	Lãi suy giảm		(226)	720

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		(26.355.779.464)	91.865.485.318
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		329.668.214.804	324.218.677.360
03	Dự phòng			(50.000.000)
04	Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		101.972.637.662	54.783.310.180
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.231.318.838)	(10.898.674.152)
06	Chi phí lãi vay	22	275.332.362.621	366.799.755.935
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		666.386.116.785	826.718.554.641
09	Tăng các khoản phải thu		110.564.141.788	(119.563.739.357)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		(21.205.781.809)	199.574.286.755
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		34.079.074.262	(52.213.849.503)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(11.614.677.905)	(4.107.970.871)
13	Tiền lãi vay đã trả		(273.685.141.796)	(373.763.189.530)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25	(19.371.810.806)	(19.638.716.450)
15	Tiền thu khác từ HĐKD			-
16	Tiền chi khác cho HĐKD		(8.619.495.987)	(7.117.092.462)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		476.532.424.532	449.888.283.223
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(39.831.300.514)	(8.930.673.322)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		10.441.740.000	1.056.756.000
	Tiền gửi ngắn hạn		(185.032.418.778)	(716.000.000.000)
	Rút tiền gửi ngắn hạn		227.000.000.000	675.000.000.000
23	Tiền chi mua cổ phần tại công ty con, trừ tiền thu về		(61.409.583.593)	
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.812.134.802	9.864.247.925
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(42.019.428.083)	(39.009.669.397)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.031.066.508.009	1.870.062.666.626
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.425.128.860.597)	(2.256.525.692.079)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(394.062.352.588)	(386.463.025.453)
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		40.450.643.861	24.415.588.373
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		91.442.918.370	67.027.329.997
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	131.893.562.231	91.442.918.370

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	B. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.157.754.321.529	1.211.189.336.378
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	131.030.407.565	91.442.918.370
111	1. Tiền		96.363.495.567	86.261.460.266
112	2. Các khoản tương đương tiền		34.666.911.998	5.181.458.104
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	88.032.418.778	130.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		88.032.418.778	130.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		450.466.069.554	527.864.996.731
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	342.784.845.004	415.582.981.501
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	103.354.843.395	104.653.272.211
135	3. Các khoản phải thu khác	7	6.222.302.010	9.524.663.874
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.895.920.855)	(1.895.920.855)
140	IV. Hàng tồn kho	8	467.785.473.738	454.129.924.331
141	1. Hàng tồn kho		467.785.473.738	454.129.924.331
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.439.951.894	7.751.496.946
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.402.227.028	694.069.258
154	2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		14.467.571.921	2.309.737.711
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		4.570.152.945	4.747.689.977
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.413.178.882.124	4.516.425.872.216
220	I. Tài sản cố định		4.210.505.524.868	4.436.856.760.885
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.132.970.751.891	4.420.339.349.912
222	Nguyên giá		6.442.647.506.109	6.507.007.423.339
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.309.676.754.218)	(2.086.668.073.427)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.974.580.627	9.888.750.868
228	Nguyên giá		10.793.700.028	11.560.100.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.819.119.401)	(1.671.349.160)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	68.560.192.350	6.628.660.105
	II. Đầu tư dài hạn		116.190.198.618	
	1. Đầu tư vào công ty con		116.190.198.618	
260	II. Tài sản dài hạn khác		86.483.158.638	79.569.111.331
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	86.483.158.638	79.569.111.331
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.570.933.203.653	5.727.615.208.594

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.424.029.354.065	4.584.020.710.308
310	I. Nợ ngắn hạn		2.278.081.018.858	1.884.172.050.498
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	1.497.118.496.790	1.250.154.548.156
312	2. Phải trả người bán	14.1	674.452.371.266	492.476.855.933
313	3. Người mua trả tiền trước	14.2	1.263.147.182	447.552.601
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.330.481.846	6.942.949.369
315	5. Phải trả người lao động		24.939.824.930	67.034.590.712
316	6. Chi phí phải trả	16	19.549.065.704	20.071.726.376
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	52.198.540.222	41.695.240.346
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.229.091.018	5.348.587.005
330	II. Nợ dài hạn		2.145.948.335.207	2.699.848.659.810
333	1. Phải trả dài hạn khác		10.693.000	10.693.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	18	2.145.937.642.207	2.699.837.966.810
334	3. Doanh thu chưa thực hiện			-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.146.903.849.588	1.143.594.498.286
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.146.903.849.588	1.143.594.498.286
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		956.613.970.000	956.613.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(172.211.756.014)	(184.807.522.418)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		277.062.432.076	219.307.736.302
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		28.155.543.156	26.048.543.156
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		277.059.317	68.361.695.774
421	7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng CB			1.063.474.419
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	21		
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.570.933.203.653	5.727.615.208.594

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	213	218
- Euro (EUR)	236	376

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.893.348.760.683	3.747.498.620.368
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(164.657.583.527)	(231.163.038.352)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.728.691.177.156	3.516.335.582.016
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(3.011.724.696.575)	(2.716.272.766.065)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		716.966.480.581	800.062.815.951
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	8.616.551.307	43.882.038.159
22	7. Chi phí tài chính	22	(369.732.575.187)	(444.546.697.178)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(263.696.159.918)	(366.799.755.935)
24	8. Chi phí bán hàng		(195.376.139.988)	(178.308.335.432)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(165.861.988.288)	(129.976.583.214)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.387.671.575)	91.113.238.286
31	11. Thu nhập khác	23	89.954.791.983	27.598.231.624
32	12. Chi phí khác	23	(82.682.839.664)	(26.845.984.592)
40	13. Lợi nhuận khác	23	7.271.952.319	752.247.032
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		1.884.280.744	91.865.485.318
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(1.451.221.427)	(22.966.371.329)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		433.059.317	68.899.113.989

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.884.280.744	91.865.485.318
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		317.926.218.898	324.218.677.360
03	Dự phòng			(50.000.000)
04	Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		102.405.958.614	54.783.310.180
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.600.854.822)	(10.898.674.152)
06	Chi phí lãi vay	22	263.696.159.918	366.799.755.935
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		671.311.763.352	826.718.554.641
09	Tăng các khoản phải thu		64.976.534.299	(119.563.739.357)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		(13.655.549.407)	199.574.286.755
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		62.270.116.868	(52.213.849.503)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.608.047.895)	(4.107.970.871)
13	Tiền lãi vay đã trả		(268.761.024.710)	(373.763.189.530)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25	(19.371.810.806)	(19.638.716.450)
16	Tiền chi khác cho HĐKD		(8.441.958.955)	(7.117.092.462)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		484.720.022.746	449.888.283.223
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(27.210.288.342)	(8.930.673.322)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		10.441.740.000	1.056.756.000
	Tiền gửi ngắn hạn		(185.032.418.778)	(716.000.000.000)
	Rút tiền gửi ngắn hạn		227.000.000.000	675.000.000.000
23	Tiền chi mua cổ phần tại công ty con, trừ tiền thu về		(80.541.941.760)	
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.730.246.695	9.864.247.925
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(48.612.762.185)	(39.009.669.397)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG(tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.011.034.089.231	1.870.062.666.626
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.407.553.860.597)	(2.256.525.692.079)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(396.519.771.366)	(386.463.025.453)
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		39.587.489.195	24.415.588.373
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		91.442.918.370	67.027.329.997
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	131.030.407.565	91.442.918.370

Bim Sơn, ngày 18 tháng 4 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô sỹ Túc